TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/HS-ST
Ngày 31/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Quốc Diện**

Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Lý Khang**- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Khanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

Quách Phong H (x), sinh ngày 01/01/1992, tại xã U, thành phố D; Nơi cư trú: Ấp N, xã Y, tỉnh K; Nơi ở hiện tại: Tổ X, ấp H, xã J, tỉnh S; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quách Văn Chiên (chết) và bà Lê Ngọc Hương, sinh năm 1958; Vợ: Nguyễn Thị Bé Nhí, sinh năm 1996 (Bị cáo cùng vụ án); Con: 01 người, sinh năm 2025; Chị em ruột: 08 người, lớn nhất 52 tuổi, nhỏ nhất 29 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Nguyễn Thị Bé N (H), sinh ngày 12/10/1996, tại xã T, tỉnh K; Nơi cư trú: Tổ X, ấp H, xã Y, tỉnh N; Nơi ở hiện tại: Tổ Y, ấp K, xã E, tỉnh J; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Ba, sinh năm 1968 và bà Võ Thị Thới, sinh năm 1973; Chồng: Quách Phong H, sinh năm 1992 (Bị cáo cùng vụ án); Con: 01 người, sinh năm 2025; Chị em ruột: 05 người, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/6/2025 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà **Tạ Thị H**, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã F, Thành phố N.

- *Người làm chứng:* Anh **Hoàng Hải A**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Số nhà X (Số cũ là Y), khu phố Y, phường N, Thành phố Z.

(Bị hại và người làm chứng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vợ chồng Quách Phong H, Nguyễn Thị Bé N làm nghề kinh doanh quán ăn karaoke A Tèo tại xã Châu Thành, tỉnh An Giang. Tại đây, H và N có thuê một số nhân viên nữ ở tại quán để phục vụ khách, trong đó có Hoàng Thị Thuỳ Tr. Ngày 17/6/2025, Tr có ý định bỏ trốn không làm nữa thì bị Nguyễn Quốc Toàn là nhân viên quán phát hiện và báo cho H, N biết. H, N nói Tr muốn nghỉ làm ở quán thì phải trả cho H, N số tiền là 130.000.000 đồng (Bao gồm 50.000.000 đồng tiền mượn và 80.000.000 đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng) thì mới được đi. H, N buộc Tr ký giấy nợ và phải ở lại quán A Tèo đến khi người nhà mang tiền đến chuộc. Tr gọi điện cho mẹ ruột là bà Tạ Thị H đang ở G vào gặp H, N xin cho Tr về nhà và sẽ trả tiền nợ sau nhưng H và N không đồng ý, buộc bà H phải ra tiền chuộc, nếu không sẽ bán hoặc chuyển Tr cho quán khác. Đến ngày 18/6/2025, bà H cùng với Hoàng Hải A đến quán cà phê Sáu Mập tại xã Châu Thành, tỉnh An Giang gặp H và N để nói chuyện. Tại đây, H và N yêu cầu bà H phải trả 130.000.000 đồng ghi trên giấy nợ do Tr ký, bà H chỉ đồng ý trả số tiền 50.000.000 đồng, còn số tiền phạt hợp đồng 80.000.000 đồng thì không đồng ý trả. Bà H xin trả trước 30.000.000 đồng để đón Tr về nhưng H, N không đồng ý, buộc phải đưa đủ 50.000.000 đồng thì Tr mới được về. Hg và N tiếp tục giữ Tr lại tại quán A Tèo. Vì sợ con mình ở lại quán A Tèo sẽ gặp nguy hiểm nên sau nhiều lần thương lượng, H và N đồng ý để bà H chuộc Tr về với số tiền 45.000.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ ngày 19/6/2025, bà H mang 45.000.000 đồng đến quán cà phê Sáu Mập giao cho N để chuộc Tr thì lực lượng Công an bắt quả tang.

* Về vật chứng:

- Tiền Việt Nam 45.000.000 đồng đã trả lại cho bà Tạ Thị H.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Pro Max, màu trắng, số Imel 1: 350022964976963, số Imel 2: 350022964950869, số sê ri F2LF21WROD54, đã qua sử dụng và 01 (một) sim điện thoại mạng Vinaphone, đã qua sử dụng.

* Về trách nhiệm dân sự: Bà Tạ Thị H yêu cầu H và N bồi thường số tiền 80.000.000 đồng (Trong đó: Tiền ngày công lao động 5.000.000 đồng; Tiền vé máy bay đi lại, ăn uống 55.000.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng). H, N đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của bà H, bà H không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKS-KV3 ngày 25/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã truy tố Quách Phong H, Nguyễn Thị Bé N về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tranh luận và luận tội: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang vẫn giữ nguyên Quyết định truy

tố các bị cáo Quách Phong H, Nguyễn Thị Bé N về tội "Cưỡng đoạt tài sản" như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 38, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Quách Phong H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 170, Điều 65, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé N từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Tạ Thị H yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng), các bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của bà H, bà H không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Bé N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Pro Max, màu trắng, số Imel 1: 350022964976963, số Imel 2: 350022964950869, số sê ri F2LF21WROD54, đã qua sử dụng và 01 (một) sim điện thoại mạng Vinaphone, đã qua sử dụng.

Các bị cáo thống nhất quan điểm tranh luận và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang, không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo N xin được hưởng án treo để được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ mới được 10 tháng tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Quách Phong H, Nguyễn Thị Bé N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu cũng như kết quả điều tra của Cơ quan điều tra và bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát. Từ đó, có đủ căn cứ để xác định: Các bị cáo Quách Phong H, Nguyễn Thị Bé N lợi dụng việc Hoàng Thị Thuỳ Tr là người làm thuê bị thiếu nợ nên ép Tr phải ký giấy nợ với số tiền là 130.000.000 đồng và buộc bà Tạ Thị H là mẹ ruột của Tr phải mang tiền vào trả mới cho Tr về, nếu không thì Tr tiếp tục ở lại quán A Tèo của các bị cáo làm trả nợ hoặc sẽ chuyển Tr đi nơi khác

bán quán để thu hồi tiền nợ. Bà H sợ con mình bị làm hại nên đi từ G vào gặp các bị cáo để thương lượng tiền chuộc. Sau nhiều lần thoả thuận, các bị cáo đồng ý để bà H đón Tr về với số tiền là 45.000.000 đồng. Đến khoảng 12 giờ ngày 19/6/2025, trong lúc bị cáo N đang nhận số tiền 45.000.000 đồng của bà H đưa để chuộc Tr thì bị bắt quả tang.

Khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 quy định: "Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm".

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với vật chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" như đã viện dẫn nêu trên. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang đã truy tố các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây thiệt hại trực tiếp đến tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án, gây bất an cho người dân, tạo dư luận xấu trong xã hội. Bản thân các bị cáo đều nhận thức được việc cưỡng đoạt tài sản của người khác là hành vi sai trái và sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng các bị cáo đã bất chấp pháp luật, cùng nhau phạm tội, uy hiếp tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Trong đó, bị cáo N phạm tội với vai trò thực hiện tích cực, bị cáo H phạm tội với vai trò đồng phạm. Do đó, cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1. Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

4.2. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

4.3. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, gia đình bị cáo N (bà ngoại) là người có công với cách mạng nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Bên cạnh đó, trong nghị án, HĐXX xét thấy hai bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; bị cáo Hoàng là lao động chính trong gia đình; con của hai bị cáo sinh ngày 27/02/2025, mới được 10 tháng tuổi, rất cần được sự trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ và rất cần được hưởng tình yêu thương, sự quan tâm chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy bảo của cả cha lẫn mẹ nên cần xem xét áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với hai bị cáo về việc quyết định hình

phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 đối với bị cáo N để tạo điều kiện cho bị cáo được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con nhỏ. Vì vậy, trong lượng hình, HĐXX có mức án phù hợp đối với các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời, thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước.

[5] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Quan điểm về tội danh, khung hình phạt, hình phạt, Điều luật áp dụng của Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX ghi nhận để xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Tạ Thị H yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) bao gồm: Tiền ngày công lao động 5.000.000 đồng; Tiền vé máy bay đi lại, ăn uống 55.000.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 20.000.000 đồng. Các bị cáo đã tự nguyện khắc phục, bồi thường đầy đủ và bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án thống nhất: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang trao trả cho bị hại Tạ Thị H số tiền 45.000.000 đồng; tuyên trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Bé N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Pro Max, màu trắng, số Imel 1: 350022964976963, số Imel 2: 350022964950869, số sê ri F2LF21WROD54, đã qua sử dụng và 01 (một) sim điện thoại mạng Vinaphone, đã qua sử dụng.

[8] Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng và tội danh:

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 170, các Điều 17, 38, 58, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025

1.2. Tuyên bố bị cáo Quách Phong H phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 170, các Điều 17, 58, 65, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025

1.4. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bé N phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Quách Phong H 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo bị tạm giam (ngày 20/6/2025).

2.2. Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, tiếp tục tạm giam bị cáo Quách Phong H 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

2.3. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Bé N 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/12/2025).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bé N cho Ủy ban nhân dân xã Châu Thành, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025

3.1. Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang đã trao trả cho bị hại Tạ Thị H số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

3.1. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Bé N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 12 Pro Max, màu trắng, số Imel 1: 350022964976963, số Imel 2: 350022964950869, số sê ri F2LF21WROD54, đã qua sử dụng và 01 (một) sim điện thoại mạng Vinaphone, đã qua sử dụng.

Vật chứng nêu trên hiện nay Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang đang quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số: 17/QĐ-VKS ngày 25/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; các điểm a, g khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Mục 1, Phần I của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Xử: Buộc các bị cáo Quách Phong H, Nguyễn Thị Bé N, mỗi bị cáo phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (31/12/2025); Bị hại có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 3, tỉnh An Giang;
- THAHS tỉnh An Giang (Khi án có hlpl);
- Trại tạm giam Số 2 Công an tỉnh An Giang;
- Phòng THADS khu vực 3, tỉnh An Giang (Khi án có hlpl);
- Các bị cáo; Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương